TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **144**/2017/DS-PT
Ngày: 27 - 9 - 2017
"V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/- Ông Nguyễn Văn Ngọt.

2/- Ông Nguyễn Văn Dũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng***: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017, về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **V**; Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông **T**; Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 06/9/2017). (có mặt)

2. Bị đơn: Ngân hàng **W** (tên viết tắt: ABBANK). Trụ sở chính tại: ấp C2, xã B2, huyện A2, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông **Y**, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp C2, xã B2, huyện A2, thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 411/UQ-TGĐ.17 ngày 31/8/2017). (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư Z - Văn phòng Luật sư Z, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Đăng ký số 74 ngày 14/9/2017). (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **H**, sinh năm 1980; Tạm trú tại: ấp C3, xã B3, huyện A3, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ cơ quan: ấp C4, xã B4, huyện A4, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. NLC1. (có mặt)

4.2. NLC2. (có mặt)

4.3. NLC3. (có mặt)

4.4. NLC4. (có mặt)

4.5. NLC5. (có mặt)

5. Người kháng cáo: Ngân hàng W là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

1/- Nguyên đơn ông V trình bày: Vào ngày 21/9/2013 nguyên đơn V có đến Ngân hàng W - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (sau đây viết tắt là Ngân hàng) để gửi tiền tiết kiệm. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi số tiền 3.400.000.000đồng thì nguyên đơn được Ngân hàng cấp cho một quyển Sổ tiết kiệm số AL-XXXX và một phiếu nộp tiền mặt cùng ngày 21/9/2013, thời hạn gửi tiền là 06 tháng; lãi suất gửi kỳ hạn là 8%/năm.

Sau khi gửi tiền tiết kiệm, tính đến ngày 21/9/2014 Ngân hàng đã trả lãi cho nguyên đơn V được hai kỳ (tức là từ ngày 21/9/2013 cho đến ngày 21/9/2014), mỗi kỳ là 06 tháng nhưng nguyên đơn không nhớ rõ số tiền lãi Ngân hàng đã trả là bao nhiêu do không có giấy tờ.

Đến tháng 9/2014 do có nhu cầu cần vốn để kinh doanh nên nguyên đơn V có liên hệ với Ngân hàng để rút ra toàn bộ số tiền trong Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013. Nhưng Ngân hàng hẹn sẽ thông báo thời gian cho nguyên đơn V biết sau. Đến khoảng cuối tháng 4/2015 nguyên đơn được Ngân hàng trả lời số tiền trong Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 của nguyên đơn chưa được hoạch toán vào hệ thống nên Ngân hàng từ chối thanh toán số tiền trong Sổ tiết kiệm AL-XXXX ngày 21/9/2013 cho nguyên đơn V.

Nay nguyên đơn V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Ngân hàng W phải trả lại cho nguyên đơn V số tiền gốc 3.400.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/9/2014 cho đến ngày 13/6/2017 với tổng số tiền lãi là 741.955.550đồng (3.400.000.000 đồng x 8%/năm x 02 năm 08 tháng 22 ngày), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 4.141.955.550đồng và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 8%/năm theo Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 cho đến khi thi hành án xong.

2/- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngân hàng W là ông Y trình bày: Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 mà phía nguyên đơn yêu cầu Ngân hàng W (sau đây viết tắt là Ngân hàng) thanh toán là không có thực bởi lẽ sổ tiết kiệm này đã bị hủy ngay khi phát hành với lý do khách hàng không nộp tiền vào hệ thống của Ngân hàng. Số tiền tiết kiệm 3.400.000.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu chưa được hoạch toán vào Ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V thì Ngân hàng không đồng ý.

Căn cứ vào chứng từ thể hiện trên hệ thống Ngân hàng và trên các chứng từ trong hồ sơ có các chữ ký giả mạo nên có thể có yếu tố hình sự. Ngân hàng sẽ cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc ông V cho rằng Ngân hàng có phát hành sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 cho nguyên đơn V. Trên hệ thống

của Ngân hàng không có phát hành sổ tiết kiệm nêu trên cho nguyên đơn. Sổ tiết kiệm do phía nguyên đơn cung cấp thì Ngân hàng không thể xác định được sổ này là thật hay giả. Sổ tiết kiệm của ông V đang giữ theo nhận định của phía Ngân hàng là sổ tiết kiệm khống, vì trên hệ thống không có.

3/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày: Từ tháng 8/2010 đến ngày 07/3/2014 ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Ngân hàng W - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, trong khoảng thời gian này với tư cách là Giám đốc ông đã trực tiếp giao dịch với nguyên đơn V cụ thể như sau:

Ngày 21/3/2011 sau khi trao đổi qua điện thoại, ông đã đến Công ty S nơi nguyên đơn V làm việc để nhận số tiền 2.000.000.000đồng mở sổ tiết kiệm số AZ-FFFF kỳ hạn là 03 tháng.

Ngày 21/9/2011 đến kỳ hạn 03 tháng ông đích thân gọi điện thoại cho nguyên đơn V để báo số tiền vốn và tiền lãi. Ông V tiếp tục yêu cầu ông nhập vốn và lãi (ông V có rút số tiền lẻ) tiếp tục đáo hạn và Ngân hàng tiếp tục mở sổ tiết kiệm cho ông V.

Sau nhiều lần đáo hạn đến ngày 21/9/2012 ông đã cùng nguyên đơn V chốt lại số tiền gốc 3.270.000.000đồng. Với số tiền này nguyên đơn V tiếp tục mở sổ tiết kiệm số AZ-KKKK kỳ hạn 12 tháng.

Ngày 21/9/2013 đến kỳ hạn của sổ tiết kiệm số AZ-KKKK của số tiền là 3.270.000.000đồng. Ông đã trực tiếp giao dịch qua điện thoại với nguyên đơn V, tiếp đó ông đến cơ quan nơi ông V làm việc để lấy sổ tiết kiệm số AZ-KKKK ngày 21/9/2012 đáo hạn cho ông V. Trong đó tiền gốc 3.270.000.000đồng và tiền lãi 397.850.000đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.667.850.000đồng. Từ số tiền này nguyên đơn V yêu cầu (qua điện thoại) ông mở 02 sổ tiết kiệm với số tiền 3.600.000.000đồng, còn lại 67.850.000đồng nguyên đơn V nhận tiền mặt. Trong ngày 21/09/2013 ông mở cho nguyên đơn V các sổ tiết kiệm:

- Sổ tiết kiệm số AZ-JJJJ ngày 21/9/2013 với số tiền gốc là 200.000.000đồng, kỳ hạn 01 tháng, khi đến hạn đã tất toán xong.

- Đối với Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 với số tiền gốc là 3.400.000.000đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất gửi kỳ hạn là 8%/năm, sau khi ông yêu cầu nhân viên thực hiện các thao tác (*cấp sổ tiết kiệm và phiếu nộp tiền mặt*) trên hệ thống Ngân hàng, ông không nộp số tiền gửi 3.400.000.000đồng của nguyên đơn V vào Ngân hàng mà sử dụng trả nợ cho cá nhân, nên ông đã báo lại với nhân viên là hủy giao dịch vì khách hàng không nộp tiền vào tài khoản, nhưng ông không giao Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 đã báo hủy cho Ngân hàng mà đem cả hai cuốn sổ tiết kiệm (sổ tiết kiệm 200.000.000đồng và sổ tiết kiệm 3.400.000.000đồng) nêu trên cho nguyên đơn V. Đến ngày 21/3/2014 là ngày đến hạn của Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 ông đã yêu cầu nguyên đơn V tiếp tục gửi thêm 01 kỳ nữa và đã được nguyên đơn V đồng ý, từ ngày mở Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 ông đã tự xuất tiền cá nhân để trả tiền lãi cho nguyên đơn V đến ngày 21/9/2014. Trong việc ông không nộp số tiền gửi 3.400.000.000đồng của nguyên đơn V vào Ngân hàng, cũng như ông xuất tiền cá nhân trả lãi cho nguyên đơn V thì nguyên đơn V hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H khẳng định

việc nguyên đơn V có gửi số tiền gốc 3.400.000.000đồng là có thật, các tài liệu, giấy tờ như: Giấy nhận nợ kiêm hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố sản phẩm huy động vốn số 272/GNN/XIX ngày 03/7/2013, phiếu rút tiền mặt 21/9/2013... đều do ông tự giả các chữ ký của nguyên đơn V. Đối với số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn V, ông không có yêu cầu. Đối với yêu cầu của nguyên đơn V, ông không có ý kiến.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2017, đã quyết định căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 93; Điều 163, Điều 164, Điều 255, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V.

- Buộc Ngân hàng W phải trả lại cho nguyên đơn V số tiền vốn gốc 3.400.000.000đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 746.490.000đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là: 4.146.490.000đồng (Bốn tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng); Kể từ ngày 20/6/2017 bị đơn là Ngân hàng W còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 với mức lãi suất là 8%/năm đối với số tiền tiết kiệm là 3.400.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 30/6/2017, bị đơn Ngân hàng W có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T không rút đơn khởi kiện của nguyên đơn; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Y giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, nhưng đến phần tranh luận tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo là không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, mà yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm chờ giải quyết vụ án hình sự đối với ông H (đã bị khởi tố ngày 31/8/2017). Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đưa ra những căn cứ, lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm theo yêu cầu của bị đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai

đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Ngân hàng W là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Người có quyền và nghĩa vụ liên quan H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng không liên quan đến việc kháng cáo và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không ảnh hưởng cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo đơn kháng cáo ngày 30/6/2017 bị đơn Ngân hàng W yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm chờ giải quyết vụ án hình sự đối với ông H là thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[II] Về nội dung:

[1] Theo nguyên đơn V thì vào ngày 21/9/2013 nguyên đơn có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng số tiền gốc là 3.400.000.000đồng, thời hạn gửi tiền là 06 tháng, lãi suất là 8%/năm, theo Sổ tiết kiệm số AL-XXXX và phiếu nộp tiền mặt cùng ngày 21/9/2013 của Ngân hàng. Từ khi gửi tiền tính đến ngày 21/9/2014 Ngân hàng đã trả lãi cho nguyên đơn được hai kỳ, mỗi kỳ là 06 tháng (tức là từ ngày 21/9/2013 cho đến ngày 21/9/2014). Nay nguyên đơn yêu cầu Ngân hàng phải trả số tiền gốc là 3.400.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/9/2014 cho đến ngày 13/6/2017 với số tiền là 741.955.550đồng (3.400.000.000đồng x 8%/năm x 02 năm 08 tháng 22 ngày). Tổng tiền gốc và tiền lãi phải trả 4.141.955.550đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc, theo mức lãi suất là 8%/năm, theo Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 cho đến khi thi trả tất số tiền gốc.

[2] Bị đơn Ngân hàng W thừa nhận ông H được bổ nhiệm làm Giám đốc Ngân hàng từ tháng 8/2010 đến ngày 07/3/2014, trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013, nguyên đơn có nhiều lần mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng. Trong đó, tiền gốc là 3.270.000.000đồng và tiền lãi được là 397.850.000đồng theo Sổ tiết kiệm số AZ-KKKK ngày 21/9/2012 thì đến ngày 21/9/2013 Ngân hàng đã tất toán xong, số tiền nguyên đơn được hưởng cả gốc và lãi là 3.667.850.000đồng, nhưng số tiền này nguyên đơn đã thanh toán cho Hợp đồng vay số 272/13/GNN/XIX ngày 03/7/2013 với kỳ hạn vay là 03 tháng, với số tiền gốc là 3.270.000.000đồng và tiền lãi

98.029.150đồng, tổng cộng là 3.368.029.150đồng, số tiền còn lại Ngân hàng đã mở sổ tiết kiệm cho nguyên đơn trị giá 200.000.000đồng, kỳ hạn 01 tháng và Ngân hàng đã chi trả số tiền dư cho nguyên đơn bằng tiền mặt. Đối với Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 (bản chính) đúng là mẫu sổ tiết kiệm của Ngân hàng, đúng chữ ký của ông H là Giám đốc Ngân hàng và NLC5 là Giao dịch viên của Ngân hàng, dấu đóng trong sổ đúng là con dấu của Ngân hàng, nhưng phía bị đơn không xác định được sổ này là thật hay giả. Tuy nhiên, theo bị đơn Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 mà phía nguyên đơn yêu cầu Ngân hàng thanh toán là không có thực, vì sổ tiết kiệm này đã bị hủy ngay sau khi phát hành, với lý do khách hàng không nộp tiền vào hệ thống của Ngân hàng W, số tiền tiết kiệm 3.400.000.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu chưa được hoạch toán vào Ngân hàng.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H xác nhận ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Ngân hàng W - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng từ tháng 8/2010 đến ngày 07/3/2014, ông là người trực tiếp giao dịch với nguyên đơn, từ tháng 3/2011 đến tháng 09/2013 nguyên đơn nhiều lần mở sổ tiết kiệm và rút tiền tiết kiệm tại Ngân hàng, như Sổ tiết kiệm số AZ-FFFF ngày 21/3/2011 số tiền gốc 2.000.000.000đồng mở kỳ hạn 03 tháng, Sổ tiết kiệm số AZ-KKKK ngày 21/9/2012 số tiền gốc 3.270.000.000đồng mở kỳ hạn 12 tháng, Sổ tiết kiệm số AZ-JJJJ ngày 21/9/2013 với số tiền gốc 200.000.000đồng mở kỳ hạn 01 tháng và Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 với số tiền gốc 3.400.000.000đồng. Đồng thời, ông H cũng xác nhận ông V có gửi số tiền 3.400.000.000đồng là có thật, Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 phát hành cho khách hàng V thì toàn bộ sổ sách, thủ tục, mẫu sổ tiết kiệm, chữ ký trên sổ tiết kiệm là của ông H và NLC5, cũng như con dấu và phiếu nộp tiền mặt đều do Ngân hàng W phát hành.

[4] Ngoài ra, NLC5, NLC3 và NLC2 đều xác nhận Sổ tiết kiệm AL-XXXX ngày 21/9/2013 số tiền gửi 3.400.000.000đồng phát hành cho khách hàng V đúng là sổ tiết kiệm của Ngân hàng phát hành, đúng chữ ký của các ông bà và đúng con dấu của Ngân hàng.

[5] Theo các đương sự trình bày, thừa nhận, xác nhận và theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định vào ngày 21/9/2013 nguyên đơn V có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng với số tiền gốc là 3.400.000.000đồng theo Sổ tiết kiệm số AL-XXXX và phiếu nộp tiền mặt cùng ngày 21/9/2013 là có thật.

[6] Tuy nhiên, theo Ngân hàng W Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 là không có thực, đã bị hủy ngay khi phát hành, vì khách hàng không nộp tiền vào hệ thống của Ngân hàng và số tiền tiết kiệm 3.400.000.000đồng chưa được hoạch toán vào Ngân hàng. Theo ông H xác nhận ngày 21/9/2013 là ngày đến kỳ hạn của sổ tiết kiệm số AZ-KKKK, sau khi đã đưa các giấy tờ cần thiết cho nguyên đơn để tất toán sổ tiết kiệm nêu trên, nguyên đơn đã yêu cầu ông mở hai sổ tiết kiệm nhưng ông chỉ mở một sổ tiết kiệm với số tiền gốc 200.000.000đồng, còn số tiền gốc 3.400.000.000đồng sau khi yêu cầu nhân viên thực hiện các thao tác (*cấp sổ tiết kiệm và phiếu nộp tiền mặt*) trên hệ thống Ngân hàng, nhưng ông H không nộp tiền mặt vào Ngân hàng mà dùng số tiền này để trả nợ cho cá nhân ông H, sau đó ông H đem cả hai cuốn sổ tiết kiệm (tức sổ tiết kiệm 200.000.000đồng và sổ tiết kiệm 3.400.000.000đồng) nêu trên giao cho nguyên đơn V. Như vậy, cho thấy giao dịch mở sổ tiết kiệm giữa Ngân hàng với nguyên đơn V đã được xác lập, thực hiện, việc

ông H là người đại diện của Ngân hàng tại thời điểm đó đã tự ý dùng tiền gửi của nguyên đơn V vào mục đích cá nhân mà không nộp vào Ngân hàng làm cho sổ tiết kiệm của ông V không có trên hệ thống của Ngân hàng là nguyên đơn không có lỗi, mà lỗi thuộc về Ngân hàng do người đại diện cố ý làm trái. Việc ông H là người đại diện của Ngân hàng thực hiện không đúng theo quy định là việc nội bộ của Ngân hàng, nếu ông H thực hiện không đúng theo nguyên tắc hoặc có hành vi vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định, nếu gây thiệt hại cho Ngân hàng thì phải bồi thường. Đối với số tiền gốc là 3.400.000.000đồng theo Sổ tiết kiệm số AL-XXXX và phiếu nộp tiền mặt cùng ngày 21/9/2013, nguyên đơn có gửi tại Ngân hàng là có thật, ông H là người đại diện của Ngân hàng (chi nhánh thuộc Ngân hàng W) thực hiện giao dịch, xác lập và phát hành Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với khách hàng là nguyên đơn V kể từ ngày phát hành, Ngân hàng W phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn V tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 92, khoản 1 Điều 93 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[7] Do vậy, theo nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 3.400.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 21/9/2014 cho đến ngày 13/6/2017 với số tiền 741.955.550đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc theo theo mức lãi suất là 8%/năm cho đến khi trả tất số tiền gốc, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[8] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án để chờ Cơ quan Điều tra làm rõ về hành vi phạm tội của ông H. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm dân sự, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do chi nhánh xác lập, thực hiện; nguyên đơn chứng minh được việc giao dịch, xác lập, thực hiện việc gửi tiền tại Ngân hàng, nên Ngân hàng W phải có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự đối với nguyên đơn. Đối với ông H cố ý làm trái để chiếm đoạt số tiền gửi của nguyên đơn sử dụng vào mục đích cá nhân, là do sự quản lý không chặc chẽ và thiếu kiểm tra của Ngân hàng W, nếu Điều tra làm rõ ông H có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền gửi của nguyên đơn như nêu trên thì ông H sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật, đồng thời ông H gây thiệt hại cho Ngân hàng W thì phải có nghĩa vụ bồi thường. Do vậy, không phải tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án để chờ Cơ quan Điều tra làm rõ về hành vi phạm tội của ông H.

[9] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn, cũng như theo Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án để chờ giải quyết vụ án hình sự đối với ông H và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9.1] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[9,2] Do kháng cáo không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng W.

2/- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2017/DS-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ: Điều 5, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 93; Điều 163, Điều 164, Điều 255, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V.

Buộc Ngân hàng W phải trả lại cho nguyên đơn V số tiền vốn gốc 3.400.000.000đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 746.490.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là: 4.146.490.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng) .

Kể từ ngày 20/6/2017 bị đơn là Ngân hàng W còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại Sổ tiết kiệm số AL-XXXX ngày 21/9/2013 với mức lãi suất là 8%/năm đối với số tiền tiết kiệm là 3.400.000.000 đồng.

Các phần khác của án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Ngân hàng W phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0007738 ngày 13/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Ngân hàng W đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Phạm Hùng Nuôi